TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 149/2019/HNGĐ-PT
Ngày : 08/10/2019
v/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo.

Các thẩm phán:

1. Bà Mai Vân Anh.

2. Bà Nguyễn Thị Kiều Trang.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Việt Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- ***Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thanh phố Hà Nội:*** Bà Ngô Phương Liên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 80/2019/TLPT–HNGĐ ngày 29/5/2019 tranh chấp về ly hôn, nuôi con.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 07/2019/HNGĐ-ST ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 52/2019/QĐXX-PT ngày 07/6/2019, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 54/2019/QĐ-PT ngày 05/7/2019, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 59/2019/QĐ-PT ngày 23/7/2019, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 75/2019/QĐ-PT ngày 18/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh NGUYỄN V Đ – Sinh năm 1971.

ĐKNKTT: Số 9, phố Lê Đ Hành, phường Lê Đ Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Trú tại: Số 85, phố Lạc Nghiệp (số cũ 55, ngõ 283, phố Trần Khát Chân), phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị PHAN A T – Sinh năm 1973.

ĐKNKTT: Số 68, phố Trần Cao Vân, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Trú tại: Số 85, phố Lạc Nghiệp (số cũ 55, ngõ 283, phố Trần Khát Chân), phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Phương Sử - Công ty luật TNHH Việt Phú thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn V Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, anh và chị Phan A T kết hôn trên cơ sở có tìm hiểu, tự nguyện đăng ký ngày 20/10/1994 tại UBND phường Lê Đ Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Quá trình chung sống đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn căng thẳng. Trước đây vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhưng sau đó thì cũng bỏ qua. Năm 2016, anh Đ làm ăn thua lỗ, phải sống phụ thuộc vào chị T nên bị chị T coi thường. Thời gian này, chị T cũng có biểu hiện ngoại tình với người khác, thường xuyên đi lễ bái, hầu đồng không quan tâm đến gia đình, chồng con. Anh đã góp ý, cảnh cáo nhiều lần nhưng chị T không thay đổi. Từ tháng 8/2016 đến nay, vợ chồng tuy vẫn chung sống cùng nhà tại số 55, ngõ 283, phố Trần Khát Chân, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội nhưng đã sống ly thân từ lâu. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh và chị T có hai con chung gồm cháu Nguyễn Anh Đức, sinh ngày 17/9/1994 và cháu Nguyễn Minh An, sinh ngày 08/3/2003. Cháu Đức đã đủ tuổi trưởng thành, sức khỏe bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu An, nếu chị T có nguyện vọng nuôi cháu An thì anh cũng đồng ý và cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 (Năm triệu) đồng/tháng. Nếu chị T không đồng ý nuôi cháu An thì anh nuôi và không yêu cầu chị T đóng góp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản đối chất và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – chị Phan A T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, chị thống nhất với ý kiến của anh Đ về thời gian và điều kiện kết hôn giữa anh chị. Chị xác định vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ là những cãi vã nhỏ. Anh Đ hay nghi ngờ, ghen tuông chị có người khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, có những lúc bực tức, không kiềm chế được anh Đ có đánh chị, chị xác định không có bất cứ mối quan hệ bất chính nào.

Trong cuộc sống chị vẫn tôn trọng, quan tâm đến gia đình, chồng con. Chị thỉnh thoảng có đi lễ nhưng không hầu đồng, mỗi năm chỉ khoảng 3 - 4 lần đi lễ và đều có anh Đ đi cùng. Thời gian năm 2015, năm 2016, Công ty của anh Đ làm ăn không thuận lợi, nợ nần, anh Đ đã bán nhà ở số 9 Lê Đ Hành đi để trả nợ nên vợ chồng có những lúc va chạm. Sau thời gian đó, công việc thuận lợi hơn nên vợ chồng lại bình thường. Nguyên nhân vợ chồng va chạm do anh Đ tự ý bán nhà số 9 Lê Đ Hành mà không trao đổi gì với chị. Sau khi biết sự việc, chị có góp ý thì anh Đ nói chị không có quyền gì, vợ chồng cãi vã nhau và anh Đ bỏ nhà đi từ đó. Từ thời gian anh Đ bỏ nhà đi chị không liên lạc được, anh Đ chặn điện thoại của chị. Khi gặp nhau thì anh Đ yêu cầu chị ly hôn nhưng chị không đồng ý. Việc anh Đ xin ly hôn không nói chuyện bàn bạc gì với chị, đến khi Tòa án báo đến giải quyết đơn ly hôn của anh Đ chị mới biết. Chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và mong muốn anh Đ suy nghĩ lại rút đơn ly hôn. Chị không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, giữ gia đình cho các con.

Về con chung: Chị và anh Đ có hai con chung như anh Đ trình bày là đúng. Nếu phải ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Minh An và đồng ý anh Đ cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng. Cháu Nguyễn Anh Đức đã đủ tuổi trưởng thành, sức khỏe bình thường, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nhà ở chung: Tại đơn yêu cầu giải quyết về tài sản ngày 25/12/2017 chị yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung vợ chồng gồm: 01 quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ Khu đô thị Long Việt, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội mang tên ông Nguyễn V Đ và bà Phan A T; 01 quyền sử dụng đất tại thôn Phú Ninh, xã Minh Phú, huyện Sóc Sơn, Hà Nội mang tên hộ ông Nguyễn V Đ; Số tiền 800.000.000 đồng khi anh Đ bán nhà số 9 Lê Đ Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội; Xe ô tô biển kiểm soát 29A-456.91 đứng tên Công ty An Đức do anh Đ làm giám đốc; Giá trị tài sản được hình thành từ Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và thương mại An Đức.

Ngày 17/12/2018 chị T có đơn xin rút một phần yêu cầu chia tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết các tài sản gồm: Biệt thự tại Khu đô thị Long Việt, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội; Quyền sử dụng đất tại thôn Phú Ninh, xã Minh Phú, huyện Sóc Sơn, Hà Nội; Xe ô tô biển kiểm soát 29A-456.91 đứng tên Công ty An Đức do anh Đ làm giám đốc; Giá trị tài sản được hình thành từ Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và thương mại An Đức. Đối với nhà số 9 Lê Đ Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, chị yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền 800.000.000 đồng chị đã góp để mua lại nhà đất trên, cụ thể: Trước đây vợ chồng chị ở cùng với bố mẹ chồng và gia đình anh trai anh Đ là Nguyễn Văn Chính tại nhà số 9 Lê Đ Hành. Năm 2009 gia đình anh Đ đã bàn bạc và thống nhất anh Đ trả cho anh Chính 800.000.000 đồng để mua lại phần diện tích của anh Chính ở và anh Đ được sở hữu toàn bộ nhà số 9 Lê Đ Hành. Anh Đ đã đưa cho anh Chính số tiền trên, số tiền đó là tiền chung của vợ chồng. Sau đó anh Đ không có khả năng thanh toán nên đã bán

nhà đất này đi để trả nợ cho Ngân hàng. Chị đề nghị Tòa án giải quyết số tiền này theo quy định pháp luật.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai, không cho ai vay nợ, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 07/2019/HNGĐ-ST ngày 10/4/2019, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình quyết định:

1. Không chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn V Đ đối với chị Phan A T.

2. Các vấn đề khác về con chung, tài sản chung, nhà ở, công nợ: Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn V Đ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/4/2019, anh Nguyễn V Đ có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn xin ly hôn của anh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không rút đơn kháng cáo. Anh Đ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xét lai bản án sơ thẩm về phần quan hệ hôn nhân và phần con chung. Anh đề nghị Tòa chấp nhận đơn xin ly hôn cho anh được ly hôn với chị T. Về con chung, anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh An, sinh ngày 08/3/2003 và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Cháu Nguyễn Anh Đức, sinh ngày 17/9/1994 đã đủ tuổi thành niên nên để cháu tự quyết định cuộc sống của mình nên anh không đề nghị Tòa án xem xét.

Bị đơn chị T đề nghị hàn gắn để gia đình đoàn tụ. Chị T đồng ý ly hôn nếu giải quyết ly hôn đồng thời chia tài sản chung vợ chồng. Chị đề nghị Tòa án chia tài sản chung vợ chồng số tiền 800.000.000 đồng khi anh Đ bán nhà số 9 Lê Đ Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Về con, nếu ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Minh An, sinh ngày 08/3/2003 và đề nghị anh Đ cấp dưỡng nuôi con cho cháu Minh An và cả cháu Nguyễn Anh Đức, sinh ngày 17/9/1994 số tiền 8.000.000 đồng/tháng.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị T trình bày: Chị T luôn có nguyện vọng gia đình đoàn tụ nên không muốn ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của anh Đ. Lý do để yêu cầu ly hôn của anh Đ trình bày tại phiên tòa phúc thẩm không có gì mới so với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Đ, y bản án sơ thẩm, bác yêu cầu xin ly hôn của anh Đ.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về chấp hành pháp luật của Thẩm phán và HĐXX tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đương sự đã thực hiện tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Anh Nguyễn V Đ làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp dự phí kháng cáo hợp lệ.

Về phạm vi xét xử phúc thẩm của vụ án, anh Đ kháng cáo bản án sơ thẩm về phần tình cảm và phần con chung. Chị T không kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị xem xét chia tài sản chung của vợ chồng. Yêu cầu của chị T không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm theo Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự nên không được xem xét.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã đánh giá toàn diện, đầy đủ các chứng cứ của vụ án. Quyết định không chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Đ là có căn cứ. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn V Đ, y bản án sơ thẩm.

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của anh Nguyễn V Đ là hợp lệ, được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh Nguyễn V Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn V Đ và chị Phan A T kết hôn có tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 20/10/1994 tại UBND phường Lê Đ Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn V Đ và chị Phan A T là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn V Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy, anh Đ, chị T có thời gian kết hôn tính đến ngày anh Đ làm đơn xin ly hôn được 23 năm. Anh chị đã có thời gian hạnh phúc cùng chung sống tại địa chỉ nhà số 55, ngõ 283, phố Trần Khát Chân, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Về mâu thuẫn vợ chồng, anh Đ và chị T đều cùng thừa nhận khoảng năm 2016 thì cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh Đ làm ăn thua lỗ. Theo anh Đ, vợ chồng mâu thuẫn do anh làm ăn thua lỗ nên sống phụ thuộc vào chị T. Chị T đã có hành vi xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm và uy tín của anh Đ. Theo chị T nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh Đ làm ăn thua lỗ, để trả nợ đã bán nhà số 9 Lê Đ Hành để trả nợ mà không có sự bàn bạc thông qua chị T. Tuy nhiên, chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chỉ xảy ra trong năm 2016 và sang đến năm 2017 vợ

chồng không còn mâu thuẫn, sống chung bình thường. Anh Đ xin ly hôn, chị không đồng ý. Chị mong muốn vợ chồng đoàn tụ và tìm các biện pháp để cải thiện mối quan hệ vợ chồng nhưng anh Đ không cho chị cơ hội nên vợ chồng không trao đổi, chia sẻ nhau trong cuộc sống. Chị T thừa nhận, vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2017 đến tháng 11/2017 do anh Đ bỏ nhà đi vì lý do vợ chồng cãi vã, to tiếng. Từ tháng 4/2018 đến tháng 8/2018, chị T về ở nhà mẹ đẻ để hai vợ chồng có khoảng thời gian tĩnh tâm. Anh Đ có đơn xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng với tổ trưởng tổ dân phố nơi cư trú của anh Đ, chị T thể hiện: Thời gian trước năm 2017, anh Đ, chị T có mâu thuẫn, cãi vã nhau. Tuy nhiên, tổ dân phố chưa can thiệp, hòa giải. Thời gian từ năm 2017 trở lại đây, không thấy anh chị cãi vã gì. Xác minh của tổ dân phố phù hợp với lời khai của cả anh Đ và chị T để đưa ra sự thực khách quan như sau: Năm 2016, vợ chồng anh Đ chị T có mâu thuẫn cãi nhau to tiếng. Năm 2017, 2018 anh Đ chị T không to tiếng với nhau mà tự tách nhau sống ly thân để tĩnh tâm. Anh Đ và chị T đều khẳng định vợ/chồng có quan hệ tình cảm với người khác nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Tuy nhiên điều này thể hiện giữa anh Đ và chị T không có sự tin tưởng, hai bên luôn có sự nghi ngờ về lòng chung thủy lẫn nhau. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và không đồng ý đề nghị gia đình đoàn tụ theo đề nghị của chị T cũng như theo quyết định của bản án sơ thẩm. Chị T đề nghị vợ chồng đoàn tụ nhưng không đưa ra được giải pháp để thuyết phục anh Đ hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống chung hạnh phúc giữa vợ và chồng, giữa vợ chồng phải cùng nhau quan tâm, chia sẻ, thương yêu và tôn trọng. Anh Đ, chị T tuy sống chung một nhà nhưng sống ly thân một thời gian, kinh tế riêng biệt, mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau. Do đó mục đích hôn nhân của anh Đ, chị T không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn xin ly hôn của anh Đ là không có căn cứ và không phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn V Đ.

[2.2] Về con chung: Anh Nguyễn V Đ và chị Phan A T có hai con chung gồm cháu Nguyễn Anh Đức, sinh ngày 17/9/1994 và cháu Nguyễn Minh An, sinh ngày 08/3/2003. Cháu Nguyễn Anh Đức đã đủ tuổi thành niên, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Cháu Minh An đang tuổi vị thành niên, anh Đ và chị T đều có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu sau khi ly hôn. Xét thấy: Theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình thì việc giao con cho ai nuôi dưỡng là căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên. Về điều kiện kinh tế và chỗ ở sau khi ly hôn, chị T và anh Đ đều có chỗ ở đảm bảo và có công việc làm với thu nhập ổn định để nuôi dưỡng chăm sóc cháu Minh An. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu An là con gái 16 tuổi đang ở độ tuổi dậy thì nên rất cần tình yêu, sự chăm sóc, hướng dẫn dậy bảo

hàng ngày của người mẹ. Chị T tại phiên tòa cũng đảm bảo sẽ tạo điều kiện chăm sóc cho cháu tốt nhất về nơi ăn chốn ở cũng như về điều kiện học tập của cháu. Như vậy, cháu An ở với mẹ sẽ có cuộc sống ổn định, được chăm sóc đầy đủ, phát triển tốt, quyền lợi của cháu được đảm bảo. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T yêu cầu anh Đ đóng góp 4.000.000 đồng/tháng để nuôi con. Xét yêu cầu của chị T là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với khả năng kinh tế của anh Đ nên được chấp nhận. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy quyết định giao con cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đ cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng bắt đầu từ tháng 10/2019 cho đến khi con chung tròn đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:

Anh Đ không kháng cáo đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về phần tài sản chung, nợ chung. Chị T không có yêu cầu kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T yêu cầu Tòa án chia tài sản chung vợ chồng số tiền 800.000.000 đồng đã đóng góp để mua nhà số 9 Lê Đ Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Yêu cầu của chị T không nằm trong phạm vi kháng cáo của nguyên đơn. Căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị T không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm nên không chấp nhận. Giành cho chị T quyền khởi kiện vụ án khác đối với yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn.

Hội đồng xét xử đề nghị cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm đối với việc xử lý tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định hoàn trả tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản trong khi không ra quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là vi phạm Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn V Đ được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận đơn kháng cáo của anh Nguyễn V Đ, sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 07/2019/HNGĐ-ST ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng. Cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn V Đ. Xử cho anh Nguyễn V Đ được ly hôn với chị Phan A T.

2. Về con chung: Anh Nguyễn V Đ và chị Phan A T có hai con chung gồm cháu Nguyễn Anh Đức, sinh ngày 17/9/1994 và cháu Nguyễn Minh An, sinh ngày 08/3/2003. Cháu Nguyễn Anh Đức đã đủ tuổi thành niên nên cháu ở với ai tự do cháu quyết định. Giao cháu Nguyễn Minh An cho chị Phan A T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Đ cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 10/2019 cho đến khi con chung tròn, đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung được đảm bảo cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết. Giành cho chị Phan A T quyền khởi kiện vụ án khác đối với yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn.

Anh Nguyễn V Đ và chị Phan A T tự lo chỗ ở sau khi ly hôn.

4. Về án phí: Anh Nguyễn V Đ phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AC/2015/0002994 ngày 15/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng. Anh Đ phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0002315 ngày 23/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Hoàn trả cho chị Phan A T số tiền 56.875.000 đồng (Năm mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn) tạm ứng án phí hôn nhân gia đình về yêu cầu chia tài sản theo Biên lai thu số AC/2015/0004242 ngày 07/9/2018 của Cơ quan Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Thảo

Nơi nhận:
1. TAND quận Hai Bà Trưng;
2. VKSND TP Hà Nội;
3. Các đương sự;
4. Chi cục THA quận Hai Bà Trưng;
5. Lưu hồ sơ, VP.